

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT, CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHM, ngày tháng năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị: Khoa XHH - CTXH - ĐNÁ

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
1	2021/XHH	2156013114	Hoàng Mỹ	Xuân	08/02/2003	2021	CQ_CN	4.00000	80	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
2		2156013091	Phan Ngọc Anh	Thương	02/12/2003	2021	CQ_CN	4.00000	80	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
3		2156013066	Hoàng Thị Thu	Phương	12/08/2003	2021	CQ_CN	3.50000	80	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
4		2156010461	Lê Huỳnh Hải	Yên	11/12/2002	2021	CQ_CN	3.50000	81	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
5		2156013108	Nguyễn Hoàng Gia	Vy	08/06/2003	2021	CQ_CN	3.50000	86	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
6		2156013021	Thân Thị Thùy	Duyên	03/12/2003	2021	CQ_CN	3.50000	86	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
7		2156013012	Lương Thị Kiều	Cầm	08/07/2002	2021	CQ_CN	3.50000	83	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
8		2156013111	Trần Nguyễn Phương	Vy	25/11/2003	2021	CQ_CN	3.50000	83	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
9		2156013064	Phan Ngọc Mộng	Như	03/08/2003	2021	CQ_CN	3.50000	100	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
10		2156013056	Nguyễn Hoàng	Nguyên	16/04/2003	2021	CQ_CN	4.00000	78	Khá	2,028,000	50%	1,014,000
11		2156013018	Phạm Hồng	Diễm	20/10/2002	2021	CQ_CN	4.00000	72	Khá	2,028,000	50%	1,014,000
12		2156013107	Mát Ngọc Khánh	Vy	07/09/2003	2021	CQ_CN	4.00000	76	Khá	2,028,000	50%	1,014,000
14		2156013010	Nguyễn Thị Hồng	Ân	03/11/2003	2021	CQ_CN	4.00000	71	Khá	2,028,000	50%	1,014,000
15		2156013072	Trần Thị	Quý	12/02/2003	2021	CQ_CN	4.00000	75	Khá	2,028,000	50%	1,014,000
17		2156023020	Trương Ngọc	Ánh	02/02/2003	2021	CQ_CN	4.00000	90	Xuất sắc	2,028,000	100%	2,028,000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc DT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
18	2021/CTXH	2156023237	Nguyễn Ngọc	Ý	29/01/2003	2021	CQ_CN	4.00000	100	Xuất sắc	2,028,000	100%	2,028,000
20		2156023063	Phạm Thị Hồng	Hạnh	19/03/2003	2021	CQ_CN	4.00000	82	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
21		2156023110	Nguyễn Ngọc Như	May	25/10/2003	2021	CQ_CN	4.00000	83	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
25		2156023233	Vũ Thị Hồng	Vy	24/12/2003	2021	CQ_CN	4.00000	89	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
26		2156023091	Võ Trần Kim	Khánh	27/12/2003	2021	CQ_CN	4.00000	83	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
27		2156023159	Nguyễn Bá	Quyến	29/12/2003	2021	CQ_CN	4.00000	88	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
28		2156023012	Nguyễn Thị Vân	Anh	23/04/2003	2021	CQ_CN	4.00000	83	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
29		2156023154	Nguyễn Thị Hoàng	Phương	16/06/2003	2021	CQ_CN	4.00000	83	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
30		2156023066	Nguyễn Lê Thúy	Hằng	01/02/2003	2021	CQ_CN	4.00000	83	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
31		2156023109	Tô Xuân Ngọc	Mai	08/09/2003	2021	CQ_CN	4.00000	83	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
32		2156023087	Huỳnh Kim	Khanh	30/07/2003	2021	CQ_CN	4.00000	83	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
33		2156020195	Nguyễn Minh	Tâm	10/06/2003	2021	CQ_CN	4.00000	81	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
30		2156023192	Phan Nguyễn Thủy	Tiên	11/11/2003	2021	CQ_CN	4.00000	80	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
31		2156023169	Lê Hoàng Mai	Thảo	10/08/2003	2021	CQ_CN	4.00000	80	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
32		2156020146	Dương Ngọc Phương	Nhi	22/10/2003	2021	CQ_CN	4.00000	80	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
33		2156023092	Ngô Đăng	Khoa	02/10/2003	2021	CQ_CN	4.00000	80	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
34	2021/ĐNÁH	2156010297	Hồ	Safidah	05/06/2003	2021	CQ_CN	4.00000	90	Xuất sắc	2,028,000	100%	2,028,000
35		2155010350	Nguyễn Nhật Phương	Uyên	23/02/2003	2021	CQ_CN	4.00000	90	Xuất sắc	2,028,000	100%	2,028,000
36		2155013044	Lê Thị Hằng	Nga	07/04/2003	2021	CQ_CN	4.00000	81	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
37		2155013024	Cao Ngọc	Hiền	28/10/2003	2021	CQ_CN	4.00000	83	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
38		2155013085	Đỗ Thị Thủy	Tiên	09/08/2003	2021	CQ_CN	4.00000	80	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
39		2155013074	Trần Thị Hoàng	Thơ	13/01/2003	2021	CQ_CN	4.00000	80	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
40		2155013002	Nguyễn Đặng Quỳnh	Anh	20/11/2003	2021	CQ_CN	4.00000	89	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
41		2155013030	Trần Đức	Khánh	07/03/2003	2021	CQ_CN	4.00000	88	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc DT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
42		2155013073	Đoàn Ngọc Anh	Thi	31/10/2003	2021	CQ_CN	4.00000	86	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
43		2155013021	Nguyễn Khánh	Hà	08/04/2003	2021	CQ_CN	4.00000	80	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
44		2155013072	Nguyễn Nhựt	Tân	27/09/2002	2021	CQ_CN	4.00000	85	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
45		2155010087	Văn Thị Minh	Hiền	02/02/2003	2021	CQ_CN	4.00000	80	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
46		2155010171	Nguyễn Thảo	Ngân	26/09/2003	2021	CQ_CN	4.00000	80	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
47		2155013040	Lê Đỗ Như	Mai	23/05/2003	2021	CQ_CN	3.50000	83	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
49		2155010233	Trương Thị Mai	Phương	01/12/2003	2021	CQ_CN	3.50000	89	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
51	2022/XHH	2256012078	Nguyễn Huỳnh	Trân	06/12/2004	2022	CQ_CN	3.78571	90	Xuất sắc	7,681,000	100%	7,681,000
52		2256012035	Nguyễn Ái Mỹ	Linh	05/04/2004	2022	CQ_CN	3.71429	93	Xuất sắc	7,681,000	100%	7,681,000
53		2256010072	Trần Thị Mỹ	Thường	24/11/2003	2022	CQ_CN	3.67857	90	Xuất sắc	7,681,000	100%	7,681,000
54		2256012045	Lê Ly Yến	Ngọc	02/10/2004	2022	CQ_CN	3.89286	80	Giỏi	7,681,000	70%	5,376,700
55		2256012022	Hoàng Thị Thùy	Dương	26/10/2004	2022	CQ_CN	3.67857	86	Giỏi	7,681,000	70%	5,376,700
56		2256012048	Phạm Bích	Ngọc	08/08/2004	2022	CQ_CN	3.67857	86	Giỏi	7,681,000	70%	5,376,700
57		2256012065	Nguyễn Minh	Thiện	27/03/2004	2022	CQ_CN	3.57143	80	Giỏi	7,681,000	70%	5,376,700
58		2256010055	Lê Anh	Như	14/07/2004	2022	CQ_CN	3.57143	90	Giỏi	7,681,000	70%	5,376,700
59		2256012042	Đặng Bảo	Ngân	01/08/2004	2022	CQ_CN	3.57143	86	Giỏi	7,681,000	70%	5,376,700
60		2256010081	Đặng Thị Thùy	Trang	14/03/2004	2022	CQ_CN	3.57143	93	Giỏi	7,681,000	70%	5,376,700
61		2256010021	Lê Thị Thanh	Hà	18/02/2004	2022	CQ_CN	3.57143	86	Giỏi	7,681,000	70%	5,376,700
62		2256010069	Đỗ Đặng Anh	Thư	06/02/2004	2022	CQ_CN	3.57143	81	Giỏi	7,681,000	70%	5,376,700
63		2256010083	Nguyễn Thùy	Trang	08/05/2004	2022	CQ_CN	3.50000	80	Giỏi	7,681,000	70%	5,376,700
64		2256010039	Nguyễn Huỳnh Trúc	Mi	18/09/2004	2022	CQ_CN	3.50000	85	Giỏi	7,681,000	70%	5,376,700
67	2022/CTXH	2256022088	Nguyễn Diễm	Trình	20/02/2002	2022	CQ_CN	3.56250	80	Giỏi	8,652,000	70%	6,056,400
68		2256022032	Nguyễn Quỳnh Khánh	Linh	30/10/2004	2022	CQ_CN	3.50000	86	Giỏi	8,652,000	70%	6,056,400
69		2256022077	Lê Nhật	Thiên	07/03/2004	2022	CQ_CN	3.34375	83	Giỏi	8,652,000	70%	6,056,400
70		2256022045	Võ Nguyễn Mỹ	Ngọc	17/07/2004	2022	CQ_CN	3.28125	100	Giỏi	8,652,000	70%	6,056,400
71		2256022099	Nguyễn Thị Tường	Vy	08/01/2004	2022	CQ_CN	3.25000	80	Giỏi	8,652,000	70%	6,056,400
72		2256022015	Phạm Thị Mỹ	Duyên	26/10/2004	2022	CQ_CN	3.21875	86	Giỏi	8,652,000	70%	6,056,400
73		2256022057	Phạm Thị Hồng	Phúc	01/01/2004	2022	CQ_CN	3.34375	78	Khá	8,652,000	50%	4,326,000
74		2256022074	Trần Thu	Thảo	24/10/2004	2022	CQ_CN	3.34375	78	Khá	8,652,000	50%	4,326,000
75		2256020019	Nguyễn Phạm Diệu	Linh	19/06/2004	2022	CQ_CN	3.09375	67	Khá	8,652,000	50%	4,326,000
76		2256020056	Hồ Phan Thị	Vy	13/10/2004	2022	CQ_CN	3.09375	86	Khá	8,652,000	50%	4,326,000
77		2256020027	Huỳnh Thị Tuyết	Ngân	29/03/2004	2022	CQ_CN	3.00000	93	Khá	8,652,000	50%	4,326,000
78		2256022001	Lê Võ Hoàng	Anh	29/10/2003	2022	CQ_CN	2.96875	100	Khá	8,652,000	50%	4,326,000
80		2256020033	Trương Thị Thanh	Nhàn	30/03/2004	2022	CQ_CN	2.96875	80	Khá	8,652,000	50%	4,326,000
82		2255012081	Mã Mỹ Tường	Vy	21/07/2004	2022	CQ_CN	3.90000	93	Xuất sắc	5,200,000	100%	5,200,000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc DT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
83	2022/ĐNÁH	2255010027	Nguyễn Quốc	Kiệt	08/10/2002	2022	CQ_CN	3.80000	97	Xuất sắc	5,200,000	100%	5,200,000
84		2255010012	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	01/07/2004	2022	CQ_CN	3.65000	90	Xuất sắc	5,200,000	100%	5,200,000
85		2255010043	Lê Hoàng Bảo	Ngân	07/05/2004	2022	CQ_CN	3.60000	96	Xuất sắc	5,200,000	100%	5,200,000
86		2255010020	Phạm Ngọc Minh	Hiền	20/11/2003	2022	CQ_CN	3.85000	80	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
87		2255012077	Trần Ngọc Tường	Uyên	10/07/2004	2022	CQ_CN	3.70000	83	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
88		2255010091	Dương Nguyễn Dung	Trang	14/10/2004	2022	CQ_CN	3.65000	81	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
89		2255012040	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	05/08/2003	2022	CQ_CN	3.65000	83	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
90		2255010025	Lê Ân Gia	Khánh	10/01/2004	2022	CQ_CN	3.60000	80	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
91		2255010098	Nguyễn Hoàng	Tú	01/03/2004	2022	CQ_CN	3.60000	86	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
92		2255012055	Võ Nguyễn Tiểu	Quy	10/04/2004	2022	CQ_CN	3.55000	89	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
93		2255010044	Lưu Châu Ánh	Ngọc	11/08/2004	2022	CQ_CN	3.50000	81	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
94		2255010077	Tạ Thanh	Thu	30/10/2003	2022	CQ_CN	3.50000	80	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
95		2255012034	Nguyễn Thị Thanh	Mỹ	04/06/2004	2022	CQ_CN	3.50000	86	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
96		2255012079	Châu Thanh	Vy	21/03/2004	2022	CQ_CN	3.50000	83	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
97		2255010054	Dương Thị Tuyết	Như	11/08/2004	2022	CQ_CN	3.45000	85	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
98		2255010076	Phạm Nguyễn Anh	Thư	08/07/2004	2022	CQ_CN	3.40000	88	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
99	2023/XHH	2255012011	Nguyễn Đức	Duy	09/08/2004	2022	CQ_CN	3.35000	83	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
100		2255012066	Lưu Minh	Thư	05/11/2004	2022	CQ_CN	3.35000	80	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
102		2255010094	Nguyễn Hoàng	Trình	09/04/2004	2022	CQ_CN	3.30000	96	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
105		2356010092	NGUYỄN HOÀN XUÂN	THI	31/05/2005	2023	CQ_CN	3.70000	92	Xuất sắc	7,605,000	100%	7,605,000
106		2356010090	TRẦN THỊ THU	THẢO	10/11/2005	2023	CQ_CN	3.60000	93	Xuất sắc	7,605,000	100%	7,605,000
107		2356010039	HỒ MINH	KHAI	13/09/2005	2023	CQ_CN	3.60000	100	Xuất sắc	7,605,000	100%	7,605,000
108		2356010131	NGUYỄN THỊ YẾN	VY	07/01/2005	2023	CQ_CN	3.60000	90	Xuất sắc	7,605,000	100%	7,605,000
109		2356010005	NGÔ THUY	ANH	19/01/2005	2023	CQ_CN	3.60000	93	Xuất sắc	7,605,000	100%	7,605,000
110		2356010019	NGUYỄN THỊ HỒNG	ĐÀO	12/05/2003	2023	CQ_CN	3.60000	86	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
111		2356010128	ĐINH VÕ YẾN	VY	15/12/2005	2023	CQ_CN	3.50000	93	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
112		2356010117	NGUYỄN THỊ ANH	TUYẾT	07/11/2005	2023	CQ_CN	3.50000	83	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
113		2356010106	BUI THỊ THUY	TRANG	24/06/2005	2023	CQ_CN	3.50000	91	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
114		2356010071	PHẠM NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	14/10/2005	2023	CQ_CN	3.50000	83	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
115		2356010051	ĐẶNG THỊ VY	NAM	02/09/2005	2023	CQ_CN	3.40000	80	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
116		2356010089	NGUYỄN VŨ DẠ	THAO	20/07/2005	2023	CQ_CN	3.40000	90	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
117	2023/CTXH	2356010116	PHẠM THANH	TRÚC	15/11/2005	2023	CQ_CN	3.40000	83	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
118		2356010037	TÀNG HỒ QUỲNH	HƯƠNG	16/03/2005	2023	CQ_CN	3.40000	88	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
120		2356010047	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	MAI	20/06/2005	2023	CQ_CN	3.30000	100	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
121		2356010024	NGUYỄN TRỊNH NGỌC	HÂN	31/07/2005	2023	CQ_CN	3.30000	99	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
123		2356020130	CHU DIỆP PHƯƠNG	UYẾN	23/05/2005	2023	CQ_CN	3.50000	90	Giỏi	6,084,000	70%	4,258,800
124		2356020071	NGUYỄN THỊ THANH	NHÂN	01/10/2005	2023	CQ_CN	3.50000	87	Giỏi	6,084,000	70%	4,258,800
125		2356020131	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	17/09/2005	2023	CQ_CN	3.50000	86	Giỏi	6,084,000	70%	4,258,800
126		2356020043	NGUYỄN NGỌC	KHA	17/08/2005	2023	CQ_CN	3.50000	99	Giỏi	6,084,000	70%	4,258,800
127	2023/CTXH	2356020038	LÊ MINH	HƯƠNG	21/01/2005	2023	CQ_CN	3.37500	86	Giỏi	6,084,000	70%	4,258,800
128		2356020002	LÊ THỊ NGỌC	ANH	30/01/2005	2023	CQ_CN	3.37500	83	Giỏi	6,084,000	70%	4,258,800
129		2356020076	PHÙNG THỊ YẾN	NHI	13/07/2005	2023	CQ_CN	3.37500	83	Giỏi	6,084,000	70%	4,258,800

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc DT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
130		2356020013	LƯU MỸ	DUYỄN	16/04/2005	2023	CQ_CN	3.25000	83	Giỏi	6,084,000	70%	4,258,800
132		2356020099	NGUYỄN NHẬT	THỊNH	17/11/2005	2023	CQ_CN	3.25000	72	Khá	6,084,000	50%	3,042,000
133		2356020122	LƯƠNG MINH	TRUNG	18/02/2005	2023	CQ_CN	3.25000	78	Khá	6,084,000	50%	3,042,000
134		2356020023	NGUYỄN HOÀNG NGỌC	HẠNH	23/08/2005	2023	CQ_CN	3.25000	72	Khá	6,084,000	50%	3,042,000
135		2356020029	TRƯƠNG THAI NGỌC KHA	HÂN	11/05/2005	2023	CQ_CN	3.12500	69	Khá	6,084,000	50%	3,042,000
136		2356020014	TRẦN NGỌC	DUYỄN	06/03/2005	2023	CQ_CN	3.12500	90	Khá	6,084,000	50%	3,042,000
140	2023/ĐNÁH	2355010004	LÊ VÕ KHÁNH	BẢNG	29/09/2005	2023	CQ_CN	4.00000	100	Xuất sắc	6,279,000	100%	6,279,000
141		2355010044	PHAN THIÊN NGỌC	KIM	30/04/2005	2023	CQ_CN	4.00000	96	Xuất sắc	6,279,000	100%	6,279,000
142		2355010177	NGUYỄN THỊ HỒNG	YẾN	11/09/2005	2023	CQ_CN	4.00000	86	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
143		2355010117	NGUYỄN HUỲNH TUYẾT	PHƯƠNG	29/09/2005	2023	CQ_CN	3.75000	83	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
144		2355010047	VY THỊ ÁI	LIÊN	06/11/2005	2023	CQ_CN	3.62500	86	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
145		2355010096	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	NHI	13/03/2005	2023	CQ_CN	3.62500	86	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
146		2355010028	HUỲNH GIA	HÂN	19/09/2005	2023	CQ_CN	3.50000	83	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
147		2355010053	TRẦN MAI	LINH	13/07/2005	2023	CQ_CN	3.50000	90	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
148		2355010174	NGUYỄN THỊ BÍCH	VY	21/03/2005	2023	CQ_CN	3.50000	93	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
149		2355010101	ĐỖ HUỲNH PHƯƠNG	NHƯ	15/11/2005	2023	CQ_CN	3.37500	86	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
150		2355010123	VŨ TRẦN KIM	QUỲNH	12/09/2004	2023	CQ_CN	3.37500	83	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
151		2355010076	GIÁP THỊ NHƯ	NGỌC	20/03/2005	2023	CQ_CN	3.37500	100	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
152		2355010141	NGUYỄN NGỌC MINH	THƯ	07/05/2005	2023	CQ_CN	3.37500	90	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
153		2355010154	HUỲNH THỊ NGỌC	TRÂM	03/08/2005	2023	CQ_CN	3.25000	86	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
154		2355010157	TRẦN ĐỨC	TRÍ	29/06/2004	2023	CQ_CN	3.25000	83	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
155		2355010175	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	VY	04/12/2005	2023	CQ_CN	3.25000	93	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
156		2355010023	LÂM ĐÌNH NHẬT	HẠ	12/10/2005	2023	CQ_CN	3.25000	90	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
160	2023/TLH	2356030013	XA HUYỀN	HẠNH	17/08/2005	2023	CQ_CN	3.70000	91	Xuất sắc	7,605,000	100%	7,605,000
161		2356030009	NGUYỄN NGUYỄN	CHƯƠNG	23/01/2005	2023	CQ_CN	3.60000	100	Xuất sắc	7,605,000	100%	7,605,000
162		2356030012	VÌ THỊ HỒNG	HẠNH	07/11/2005	2023	CQ_CN	3.70000	83	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
163		2356030041	NGUYỄN KIM	THÙY	10/03/2005	2023	CQ_CN	3.60000	86	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
164		2356030026	THẦN HOÀNG KIM	NGÂN	20/12/2005	2023	CQ_CN	3.40000	86	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
165		2356030015	LẶNG NHƯ	HUYỀN	03/09/2005	2023	CQ_CN	3.40000	86	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
166		2356030016	ĐỖ ĐĂNG	KHOA	02/11/2005	2023	CQ_CN	3.40000	90	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500

Xuất sắc: 20 Sinh viên

Giỏi: 109 Sinh viên

Khá: 17 Sinh viên

Tổng cộng: 146

Tổng số tiền HBKKHT: 559,733,200 đồng

(Bằng chữ: Năm trăm năm mươi chín triệu bảy trăm ba mươi ba ngàn hai trăm đồng)

KT.HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lê Nguyễn Quốc Khang

LÃNH ĐẠO PHÒNG CTSVTT

Trần Văn Trí

PHÓ TRƯỞNG KHOA

Lâm Thị Ánh Quyên